

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST

Ngày: 14-8-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Bà Huỳnh Phương Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sển - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Trường Th - Văn phòng luật sư Đ - thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Anh Phùng Thanh S, sinh năm 1978 (vắng mặt)

2.2. Chị Thái Thị A, sinh năm 1981(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu dân cư ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vào ngày 21-5-2018 chị Nguyễn Ngọc L có cho vợ chồng anh Phùng Thanh S và chị Thái Thị A vay số tiền là 40.000.000 đồng để làm ăn với lãi suất 6%/tháng, thời hạn 12 tháng, trong đó lãi trả hàng tháng và 03 quý đầu sẽ trả tiền gốc lần lượt với số tiền là

5.000.000 đồng, quý cuối trả hết số tiền² gốc là 25.000.000 đồng. Hai bên có làm hợp đồng thế chấp đất với nội dung vợ chồng anh S, chị A thế chấp cho chị L thửa đất có chiều ngang 08m, chiều dài 16m, tổng diện tích là 128m², đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C Thành, tỉnh Kiên Giang. Khi làm hợp đồng thế chấp anh S và chị A có đưa chị L giữ Bản chính Thông báo số 24/TB-UBND, ngày 23-4-2015 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang về việc trả nợ vay mua trả chậm nhà ở trong cụm, tuyến dân cư vượt lũ và đăng ký cấp quyền sử dụng nhà ở, đất ở. Sau khi ký hợp đồng thế chấp đất xong thì ngay trong ngày 21-5-2018 anh S, chị A lại hỏi vay thêm chị L 10.000.000 đồng nữa, tổng cộng là 50.000.000 đồng.

Anh S và chị A trả được 02 tháng tiền lãi thì đến ngày 08-10-2018 do làm ăn không tốt nên anh S và chị A nói với chị L để thay đổi hình thức trả nợ, chị L cũng đồng ý thỏa thuận thay đổi hình thức trả nợ và xóa 02 tháng tiền lãi của tháng 8, tháng 9 năm 2018 mà anh S, chị A chưa trả. Chị L và vợ chồng anh S thỏa thuận trả lãi hàng tháng và tất cả số tiền gốc 50.000.000 đồng sẽ trả vào ngày 30-5-2019. Sau khi thỏa thuận thay đổi hình thức thanh toán nợ, anh S và chị A có trả thêm cho chị L được 2,5 tháng tiền lãi thì không trả nữa và có dấu hiệu trốn tránh, chị L đã gọi điện liên lạc với anh S, chị L nhiều lần nhưng không được. Đến hết ngày 30-5-2019, anh S và chị A cũng không trả thêm cho chị L được tháng tiền lãi nào và còn nợ 50.000.000 đồng tiền gốc. Chị L đã nhận tiền lãi của anh S, chị A là 4,5 tháng với số tiền 13.500.000 đồng. Nay chị L yêu cầu vợ chồng anh S, chị A trả cho chị L số tiền gốc là 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay tiền 21-5-2018 cho đến ngày xét xử, chị L đồng ý khấu trừ lại số tiền lãi mà anh S và chị A đã đóng cho chị L.

- *Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – Luật sư Nguyễn Trường Th:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L; buộc anh Phùng Thanh S và chị Thái Thị A trả cho chị L số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay tiền 21-5-2018 đến ngày xét xử và trừ đi phần tiền lãi mà chị L đã nhận của anh S, chị A.

- *Bị đơn chị Thái Thị A trình bày tại Tòa án:* Vào khoảng tháng 5 năm 2018, vợ chồng chị có vay tiền của chị Nguyễn Ngọc L là 50.000.000 đồng, có làm giấy tay với lãi suất thỏa thuận, vợ chồng chị có đóng lãi hàng tháng cho đến tháng 9 năm 2019 do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không tiếp tục đóng lãi cho chị L nữa. Chị A thừa nhận hiện nay vợ chồng chị còn nợ chị L tổng cộng 50.000.0000 đồng, chị A đồng ý trả số tiền này cho chị L nhưng xin trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Chị A yêu cầu chị L không tính lãi nữa.

Tại Tòa án và tại phiên tòa anh Phùng Thanh S và chị Thái Thị A vắng mặt.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của³ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L đối với bị đơn anh Phùng Thanh S và chị Thái Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 26-12-2019 chị Nguyễn Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu anh Phùng Thanh S và chị Thái Thị A trả cho chị số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Phùng Thanh S và chị Thái Thị A không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt anh S và chị A. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S và chị A.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L yêu cầu anh Phùng Thanh S và chị Thái Thị A trả số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay tiền 21-5-2018 cho đến ngày xét xử, chị L đồng ý khấu trừ lại số tiền lãi 13.500.000 đồng mà anh S và chị A đã đóng cho chị L, Tòa án nhận thấy:

Vào ngày 21-5-2018 chị Nguyễn Ngọc L có cho anh Phùng Thanh S và chị Thái Thị A vay số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng thế chấp đất với nội dung vợ chồng anh S, chị A thế chấp cho chị A thửa đất có chiều ngang 08m, chiều dài 16m, tổng diện tích là 128m², đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Khi làm hợp đồng thế chấp anh S và chị A có đưa chị L giữ Bản chính Thông báo số 24/TB-UBND, ngày 23-4-2015 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang về việc trả nợ vay mua trả chậm nhà ở trong cụm, tuyến dân cư vượt lũ và đăng ký cấp quyền sử dụng nhà ở, đất ở. Tại Tòa án, chị Thái Thị A cũng thừa nhận vợ chồng chị có nợ chị L số tiền 50.000.000 đồng và chấp nhận trả nợ cho chị L nhưng xin trả dần mỗi

tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.⁴ Do đó, việc chị L yêu cầu anh S, chị A trả số tiền vay gốc 50.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của chị L về việc tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vay gốc 50.000.000 đồng từ ngày 21-5-2018 đến ngày xét xử:

Về lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 6%/tháng và chị L đã nhận tiền lãi của vợ chồng anh S, chị A đóng 4,5 tháng được tổng cộng là 13.500.000 đồng.

Do lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 6%/tháng = 72%/năm là vượt quá 20%/năm nên mức lãi suất được tính lại theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm = 1,66%/tháng. Tiền lãi được tính như sau:

Số tiền vay gốc 50.000.000 đồng tính lãi từ ngày 21-5-2018 đến ngày xét xử 14-8-2020 là 26 tháng 24 ngày, tiền lãi là: 50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 26 tháng 24 ngày = 22.244.000 đồng. Khấu trừ đi số tiền lãi anh S, chị A đã đóng cho chị L là 13.500.000 đồng: 22.244.000 đồng - 13.500.000 đồng = 8.744.000 đồng.

[3] Xét hợp đồng thế chấp đất được ký kết giữa chị L và anh S, chị A vào ngày 21-5-2018 chưa được công chứng, chứng thực theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 và chưa được đăng ký biện pháp bảo đảm theo Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng vô hiệu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, chị L tự nguyện trả lại anh S, chị A Bản chính Thông báo số 24/TB-UBND, ngày 23-4-2015 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang về việc trả nợ vay mua trả chậm nhà ở trong cụm, tuyến dân cư vượt lũ và đăng ký cấp quyền sử dụng nhà ở, đất ở nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận như đã phân tích và nhận định trên.

[5] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[6] Căn cứ các điều 122, 129, 130, 131, 298, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L; buộc anh Phùng Thanh S và chị Thái Thị A phải trả cho chị Nguyễn Ngọc L số tiền vay gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi là 8.744.000 đồng, tổng cộng là 58.744.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả nợ dần của các đương sự không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc anh S, chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

có giá ngạch đối với số tiền phải trả⁵ cho chị L là: 58.744.000 đồng x 5% = 2.937.200 đồng.

Chị Nguyễn Ngọc L không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng cho chị L theo biên lai thu số 0002111 ngày 02-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Áp dụng các điều 122, 129, 130, 131, 298, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L.

2. Buộc anh Phùng Thanh S và chị Thái Thị A có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Ngọc L số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 8.744.000 đồng, tổng cộng là 58.744.000 đồng (Năm mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (14-8-2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tuyên bố hợp đồng thế chấp đất được ký kết giữa chị Nguyễn Ngọc L và anh Phùng Thanh S, chị Thái Thị A vào ngày 21-5-2018 vô hiệu.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc trả lại anh S, chị A Bản chính Thông báo số 24/TB-UBND, ngày 23-4-2015 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang về việc trả nợ vay mua trả chậm nhà ở trong cụm, tuyến dân cư vượt lũ và đăng ký cấp quyền sử dụng nhà ở, đất ở.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phùng Thanh S và chị Thái Thị A có nghĩa vụ liên đới nộp tiền án phí là 2.937.200 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

Chị Nguyễn Ngọc L không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng cho chị L theo biên lai thu số 0002111 ngày 02-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án⁶ hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân

